

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TH  
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **429/2020/HSST**  
Ngày: 25/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH TH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thanh Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Văn Xây

2. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nam Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 433/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lê Việt T**, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1985 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ N(trước đây là tổ Z, phường T, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn T1, sinh năm 1945 và con bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1956; Chưa có vợ, con. Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 411/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xử phạt Lê Việt T 39 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đã chấp hành xong án phạt tù ngày 21/01/2020.

Nhân thân: Tại bản án số 170/2006/HSST ngày 14/8/2006, Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH. (Có mặt tại phiên tòa)

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H2, sinh năm 1960 - trú tại tổ Y, phường G, thành phố TH

\* *Người làm chứng:* Anh Trần Minh H, sinh năm 1999 - trú tại tổ 01, phường G, thành phố TH, tỉnh TH

(Ông H2, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* *Người chứng kiến:* Anh Hoàng Thế C, sinh năm 1979 - trú tại tổ 06, phường Đ, thành phố TH, tỉnh TH (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút ngày 14/7/2020, tổ công tác của Công an phường Đ, thành phố TH tiến hành tuần tra làm nhiệm vụ tại khu vực tổ X, của phường phát hiện 02 người nam giới đang ngồi trên xe mô tô BKS 20M8 – 3934 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu kiểm tra. Người nam giới điều khiển xe mô tô khai tên là Trần Minh H (sinh năm 1999 – địa chỉ tổ 01, phường G, T phố TH) kiểm tra người H, tổ công tác không phát hiện thu giữ gì. Người ngồi sau khai tên là Lê Việt T. Kiểm tra người T, tổ công tác phát hiện thu giữ tại túi quần bên trái phía trước T đang mặc 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu hồng theo T khai đó là ma túy tổng hợp dạng đá và hồng phiến của T mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T đồng thời niêm phong vật chứng theo quy định. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20M8 – 3934.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã tiến hành cân xác định: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của T có khối lượng 0,255 gam, cho toàn bộ vào bì niêm phong ký hiệu T gửi giám định; 01(một) viên nén màu hồng thu giữ của T có khối lượng 0,098 gam, cho vào bì niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 4681/C09 – TT2 ngày 23/7/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu 01(một) viên nén màu hồng trong bì ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 999/KL - KTHS ngày 06/8/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH kết luận: Khối lượng chất tinh thể màu trắng thu giữ ban đầu của Lê Việt T là 0,255 gam. Khối lượng viên nén màu hồng thu giữ ban đầu của Lê Việt T là 0,098 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Việt T khai nhận: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 14/7/2020, T bắt xe ôm từ nhà đi lên khu vực phường Đ để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân, khi đi đến khu vực ngã ba Bắc Nam thì gặp Trần Minh H là người quen của T. T nhờ H chở đi nhưng H trả lời là đang bận làm việc nên T hẹn H khoảng 18 giờ cùng ngày đến đón T tại cổng khách sạn Đông Á 2. T tiếp tục đi xe ôm đến gần khu vực khách sạn Đông Á 2 để tìm mua ma túy cho bản thân. Tại đây, T gặp và mua của 01 người phụ nữ không rõ lai lịch, địa chỉ 01 gói ma túy bên trong có ma túy đá và hồng phiến với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất vào túi quần bên trái phía trước đang mặc và đợi H đến đón. Khoảng 18

giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô BKS 20M8 – 3934 đến đón T, T không nói cho H biết là đang tàng trữ ma túy trên người. Khi H chở T đi được một đoạn thì bị tổ công tác Công an phường Đ phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu 4681/C09 – TT2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20M8 – 3934, quá trình điều tra xác định đăng ký xe mang tên Trần Văn H2, sinh năm 1960 trú tại tổ 01, phường G, T phố TH. Hiện đang được bảo quản và lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự T phố TH chờ xử lý.

Cáo trạng số 434/CT-VKSTPTN ngày 04/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân T phố TH truy tố bị cáo Lê Việt T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Việt T đã khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS: Xử phạt Lê Việt T từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Xử lý theo quy định tại Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu 4681/C09 – TT2; Trả lại cho ông Trần Văn H2, sinh năm 1960 – trú tại tổ 1, phường G, T phố TH 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20M8 – 3934.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng truy tố là không oan, đúng người, đúng tội.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến KH nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, lời khai của người chứng kiến cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 18 giờ 00 phút ngày 14/7/2020, tại tổ X, phường Đ, thành phố TH, Lê Việt T đang có hành vi tàng trữ 0,353 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an phường Đ, thành phố TH phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố Lê Việt T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, ma túy còn là hiểm họa cho xã hội, phát sinh các tệ nạn xã hội, làm khánh kiệt về kinh tế, suy kiệt giống nòi, do đó Đảng và Nhà nước ta đã kiên quyết bài trừ tệ nạn này ra khỏi xã hội, bị cáo có đầy đủ nhận thức về tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội. Vì vậy cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi bị cáo gây ra, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở T người có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân xấu đã 02 lần bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt, trong đó có 01 bản án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Do vậy, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Song Hội đồng xét xử cũng xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung, qua xác minh tại phiên tòa thấy rằng bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: 01(một) bì niêm phong ký hiệu 4681/C09 – TT2 (bên trong có chứa mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu) cần tịch thu tiêu hủy; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20M8 – 3934. Qua xác minh xác định đây là tài sản của ông Trần Văn H2, sinh năm 1960, trú tại tổ 01, phường G, thành phố TH nên cần trả lại cho ông H2 quản lý sử dụng.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác:

+ Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, T khai mua một người phụ nữ không quen biết để sử dụng cho bản thân. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ của người này, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ để xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

+ Đối với Trần Minh H là người điều khiển xe mô tô chở Lê Việt T, xét thấy H không biết việc T đi mua ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với H là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự**

Tuyên bố: bị cáo Lê Việt T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS: Xử phạt Lê Việt T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2020.

Căn cứ vào Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

### **2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:**

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu 4681/C09-TT2 (bên trong có chứa mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu) mặt sau có các dấu tròn đỏ của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an và chữ ký của Đinh Thị T4 và Đỗ Văn T5.

+ Trả lại cho ông Trần Văn H2, sinh năm 1960 – trú tại tổ 01, phường G, thành phố TH, tỉnh TH 01(một) xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda, BKS 20M8 – 3934, màu sơn đen bạc, số loại Wave, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm<sup>3</sup>, dung tích xilanh 97, số khung RLHHC1200AY092890, số máy HC12E-2592920, thân vỏ xe đã cũ, xe không có gương.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 465 ngày 03/9/2020 giữa Công an thành phố TH và Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH, tỉnh TH).*

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**  
- TAND tỉnh TH;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND tỉnh TH;
- VKSND T phố TH;
- Công an T phố TH;
- Chi cục THADS T phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**Trương Thị Thanh Trúc**



